

Vietnam Daily Review

"Bất động" sản

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/3/2022		•	
Tuần 28/3-1/4/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trước tin đồn hạn chế giải ngân đối với những khoản vay mua Bất động sản, ngành Bất động sản hôm nay đứng hình mất cả phiên trên sàn. Tâm lí tiêu cực mà ngành này gây ra cho thị trường hôm nay đã kéo theo nhiều ngành khác giảm điểm, có thể kể tới bộ ba Bank, Chứng, Thép. VN-Index đóng cửa giảm hơn 15 điểm so với thứ sáu tuần trước. Ở chiều ngược lại, nhóm ngành Thủy sản, Phân bón, Điện nước gánh công lưng những nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trên, khiến thị trường không "rớt đài" quá mạnh. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này có một phiên giao dịch khá ảm đạm khi bán ròng nhẹ trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, nếu tâm lí nhà đầu tư còn tiêu cực với ngành Bất động sản thì có lẽ có khả năng thị trường sẽ giảm tiếp xuống ngưỡng hỗ trợ quanh vùng 1455.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể cân nhắc bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/03/2022, các chứng quyền giảm điểm theo nhịp giảm mạnh của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): GMD_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **-15.32** điểm, đóng cửa **1483.18** điểm. HNX-Index **-6.86** điểm, đóng cửa **454.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.96)**, **FPT (+0.57)**, **DGC (+0.45)**, **DCM (+0.26)**, **VGC (+0.21)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-2.29)**, **VHM (-1.10)**, **VNM (-0.94)**, **GVR (-0.85)**, **DIG (-0.84)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **30.490** tỷ đồng, tăng **34.53%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **32.880** tỷ đồng.
- Biên độ dao động 22.99 điểm. Thị trường có **142** mã tăng, **43** mã tham chiếu và **315** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-86.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-104.6 tỷ)**, **VCI (-50.6 tỷ)**, **DHC (-39.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.44** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1483.18**
Giá trị: 30490.31 tỷ **-15.32 (-1.02%)**
Khối ngoại (ròng): -86.91 tỷ

HNX-INDEX **454.89**
Giá trị: 4467.73 tỷ **-6.86 (-1.49%)**
Khối ngoại (ròng): 3.44 tỷ

UPCOM-INDEX **116.01**
Giá trị: 1819.07 tỷ **-0.99 (-0.85%)**
Khối ngoại(ròng): 19.64 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	109.3	-4.05%
Giá vàng	1,930	-1.42%
Tỷ giá USD/VND	22,885	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,087	-0.41%
Tỷ giá JPY/VND	18,403	-2.08%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	12.10%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FTS	41.6	VNM	-104.6
NKG	38.3	VCI	-50.6
KDH	35.9	DHC	-39.9
VRE	34.6	VIC	-25.6
KBC	30.4	DCM	-23.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

Phân tích kỹ thuật GMD_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD xu hướng cắt lên trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: GMD có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nền Marubozu gần như hoàn hảo cùng khối lượng tích cực. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng khả quan. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20, MA50 và MA100, đường MA50 hiện ở dưới MA100 nhưng đang có xu hướng cắt lên. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 56.3, chốt lãi tại ngưỡng 63.2 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 53.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

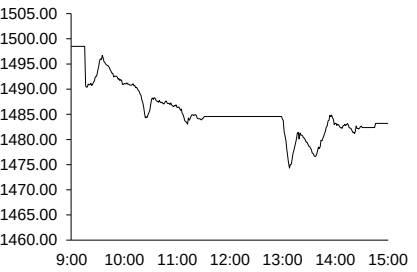
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	4.65%
Bán lẻ	3.06%
Công nghệ Thông tin	1.74%
Dầu khí	1.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.79%
Hóa chất	0.20%
Y tế	-0.24%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.27%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.30%
Thực phẩm và đồ uống	-0.32%
Bảo hiểm	-0.58%
Truyền thông	-0.87%
Tài nguyên Cơ bản	-1.17%
Xây dựng và Vật liệu	-1.34%
Ngân hàng	-1.48%
Du lịch và Giải trí	-1.48%
Bất động sản	-1.78%
Dịch vụ tài chính	-2.23%
Ô tô và phụ tùng	-2.51%

Hình 1

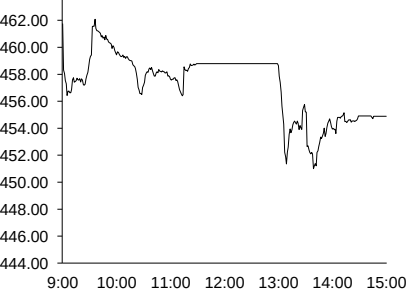
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

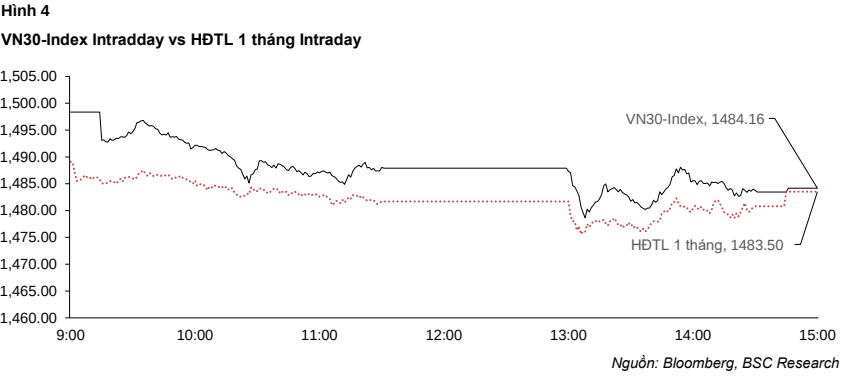
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
24/3/22	BMP	61	68	58	60.5	4	-0.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/3/22	DBC	77	85.8	73	76.3	5	-0.91%	Có thể tiếp tục mua
21/3/22	KDH	53.3	61.3	51.5	52.9	7	-0.75%	Có thể tiếp tục mua
18/3/22	LIG	16	22	14	15.3	10	-4.38%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	27.75	13	-1.60%	Có thể tiếp tục mua
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	27.05	14	10.41%	Có thể tiếp tục mua
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	16.95	18	0.30%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	45.6	25	2.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	37.8	28	-1.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.8	32	1.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	26	33	4.84%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	20.5	38	3.54%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	45.9	48	0.77%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
22/3/22	CII	34.15	43.5	30.8	SL	6	-9.81%
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	TP	7	24.42%
16/3/22	VTP	70	77	66	TP	8	10.00%
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	6	3.40%	-1.65%	1.07%	23
Cổ phiếu đã chốt	240	187	7.68%	-7.27%	4.99%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1483.50	-0.70%	-0.66	3.0%	121,944	4/21/2022	26
VN30F2205	1480.30	-0.84%	-3.86	22.5%	218	5/19/2022	54
VN30F2206	1476.30	-0.87%	-7.86	468.4%	108	6/16/2022	82
VN30F2209	1476.70	-0.87%	-7.46	-11.8%	30	9/15/2022	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -14.2 điểm xuống 1484.16 điểm. Các cổ phiếu như STB, VPB, VNM, HPG, TCB đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Phiên điều chỉnh đã khiến VN30 quay trở lại vùng tích lũy 1470-1500 điểm.

- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng trừ VN30F2209. Xét về vị thế mở, các HĐ VN30F2204 và VN30F2205 giảm, HĐ còn lại tăng. Thanh khoản quay trở lại mức cao theo chiều bán cho thấy tâm lý lo lắng của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư có thể cân nhắc bán các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2111	4/8/2022	11	10:1	705,000	30.12%	1,900	1,500	33.93%	610	2.46	205,600	130,000	144,000
CMWG2114	4/20/2022	23	12:1	455,100	30.12%	2,600	1,320	14.78%	604	2.19	224,800	130,000	144,000
CFPT2202	6/24/2022	88	10:1	515,900	21.96%	1,700	1,770	5.99%	905	1.95	97,200	89,700	98,100
CHPG2204	6/24/2022	88	5:1	201,300	33.09%	1,900	1,800	2.86%	911	1.98	54,500	44,500	45,900
CFPT2203	8/1/2022	126	4:1	270,400	21.96%	3,800	4,160	1.46%	1,633	2.55	100,720	95,000	98,100
CPNJ2201	9/20/2022	176	8:1	452,700	32.85%	2,300	2,950	0.00%	2,002	1.47	97,900	95,500	108,200
CMSN2104	5/4/2022	37	9.98:1	264,700	38.35%	5,200	2,890	-0.69%	2,998	0.96	147,790	0	145,600
CMBB2201	9/20/2022	176	2:1	83,400	30.26%	2,700	3,240	-1.82%	2,263	1.43	38,660	29,500	31,500
CKDH2107	4/27/2022	30	8:1	262,000	35.26%	1,300	1,250	-2.34%	1,167	1.07	44,928	43,888	52,900
CVPB2111	4/20/2022	23	4:1	416,100	31.65%	2,300	1,500	-3.23%	748	2.00	39,800	34,000	36,250
CVJC2103	4/27/2022	30	20:1	51,800	25.94%	1,500	840	-4.55%	607	1.38	131,799	129,999	140,800
CSTB2202	9/20/2022	176	2:1	264,800	37.23%	2,700	3,550	-6.82%	3,213	1.10	33,500	29,500	31,850
CVRE2110	4/27/2022	30	8:1	258,100	37.60%	1,000	540	-6.90%	415	1.30	44,879	29,999	32,000
CMSN2110	4/8/2022	11	9.98:1	286,500	38.35%	2,200	760	-7.32%	712	1.07	157,488	142,000	145,600
CTCB2105	5/4/2022	37	5:1	399,100	29.55%	3,600	1,250	-8.76%	1,026	1.22	58,600	45,000	48,800
CVRE2105	5/4/2022	37	5:1	517,000	37.60%	1,200	820	-8.89%	689	1.19	38,750	30,000	32,000
CTPB2101	4/6/2022	9	3.7:1	55,000	40.99%	2,500	1,780	-11.44%	1,826	0.97	45,136	33,333	39,450
CSTB2201	9/21/2022	177	5:1	955,800	37.23%	1,500	1,510	-11.70%	1,239	1.22	35,088	29,888	31,850
CSTB2110	4/27/2022	30	8:1	521,400	37.23%	1,000	530	-13.11%	538	0.98	33,919	29,999	31,850
CMBB2107	4/8/2022	11	2:1	1,117,500	30.26%	2,200	1,080	-18.80%	1,130	0.96	31,780	30,000	31,500
Tổng				7,348,600	33.18%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/03/2022, các chứng quyền giảm điểm theo nhịp giảm mạnh của cổ phiếu cơ sở.

- CMWG2111 và CVIC2106 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 33.93% và 28.57%. Giá trị giao dịch tăng 20.23%. CHPG2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.56% thị trường.

- CMBB2107, CMSN2104, CTPB2101, và CSTB2110 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2202, CVPB2202, CPNJ2201 và CMBB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2112, CMSN2104, và CSTB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	144.0	3.7%	0.6	4,463	23.7	6,936	20.8	5.0	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	108.2	0.0%	0.7	1,070	4.9	4,526	23.9	4.1	49.0%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	58.5	0.0%	1.3	1,888	2.3	2,501	23.4	2.1	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	52.5	-0.8%	0.5	535	0.5	3,543	14.8	1.6	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	80.5	-0.6%	0.7	13,349	8.2	(759)	N/A	N/A	3.1	12.6%
VRE	Bất động sản	32.0	-2.1%	1.1	3,161	5.2	578	55.3	2.4	30.3%	4.4%
VHM	Bất động sản	74.9	-1.3%	1.1	14,180	12.1	9,048	8.3	2.5	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	45.7	-1.7%	1.3	1,207	33.7	1,942		3.1	30.3%	15.5%
SSI	Chứng khoán	42.3	-2.8%	1.6	1,824	19.3	2,768	15.3	2.9	37.6%	22.5%
VCI	Chứng khoán	56.5	-1.9%	1.0	818	10.9	4,512	12.5	2.9	19.9%	27.1%
HCM	Chứng khoán	34.0	-3.4%	1.6	676	7.8	2,805	12.1	2.1	43.2%	19.5%
FPT	Công nghệ	98.1	2.5%	0.9	3,871	14.8	4,792	20.5	5.0	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	76.0	-1.3%	0.4	1,085	0.0	4,926	15.4	4.2	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	110.5	-0.2%	1.2	9,195	1.7	4,381	25.2	4.1	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	56.0	0.0%	1.5	3,094	4.3	2,337	24.0	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	36.1	4.6%	1.6	750	17.4	1,260	28.7	1.5	8.5%	5.0%
BSR	Dầu khí	27.0	1.1%	0.8	3,640	8.2	2,108		2.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	111.5	0.2%	0.3	634	0.2	5,720	19.5	3.8	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	73.9	1.7%	0.9	1,257	16.9	7,959	9.3	2.8	10.7%	33.5%
DCM	Hóa chất	48.5	4.0%	0.7	1,115	20.7	3,073	15.8	3.4	7.0%	23.7%
VCB	Ngân hàng	82.4	-0.1%	1.0	16,955	2.6	5,005	16.5	3.5	23.7%	21.4%
BID	Ngân hàng	41.6	-4.3%	1.2	9,149	7.3	2,090	19.9	2.5	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	31.8	-1.2%	1.4	6,644	8.9	2,940	10.8	1.6	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.3	-1.4%	1.2	7,006	19.3	2,648	13.7	2.1	17.5%	17.9%
MBB	Ngân hàng	31.5	-0.9%	1.2	5,175	17.7	3,362	9.4	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.4	-1.1%	1.1	3,800	6.9	3,554	9.1	1.9	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	60.5	-2.1%	0.7	215	0.2	2,618	23.1	2.2	85.1%	9.0%
NTP	Nhựa	58.7	-3.0%	0.4	301	1.0	3,951	14.9	2.6	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	31.1	-1.0%	1.1	1,486	1.7	178	174.7	2.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	45.9	-1.1%	1.1	8,926	39.1	7,708	6.0	2.3	22.2%	46.1%
HSG	Thép	37.8	-0.1%	1.4	811	15.3	8,581	4.4	1.7	6.7%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	73.4	-2.4%	0.6	6,670	13.0	4,518	16.2	4.6	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	157.6	0.1%	0.8	4,394	0.5	5,663	27.8	4.8	62.5%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	145.6	-0.5%	1.0	7,473	3.9	7,257	20.1	5.2	28.4%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	24.0	0.0%	1.3	657	5.9	1,135	21.1	1.8	7.3%	8.7%
ACV	Vận tải	89.6	-0.1%	0.8	8,481	0.2	577	155.3	5.2	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	140.8	-1.5%	1.1	3,316	4.5	2,271		4.5	16.8%	7.7%
HVN	Vận tải	25.0	-1.6%	1.7	2,402	3.3	(6,523)		23.1	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	56.3	2.7%	1.0	738	12.5	1,846	30.5	2.7	43.3%	9.1%
PVT	Vận tải	26.0	1.6%	1.2	366	4.0	2,038	12.8	1.6	9.6%	13.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	115.0	1.4%	0.7	800	1.0	10,538	10.9	3.8	3.6%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	60.8	3.1%	0.3	1,185	4.6	2,729	22.3	3.8	4.1%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.5	2.8%	0.9	423	6.3	966	26.4	1.9	1.8%	7.0%
CTD	Xây dựng	90.8	-1.1%	1.0	292	3.6	310	292.4	0.8	45.7%	0.3%
CII	Xây dựng	30.8	-6.2%	0.9	325	20.1	(1,398)	N/A	N/A	1.5	10.5%
REE	Điện	79.9	1.1%	-1.4	1,074	4.0	6,002	13.3	1.9	49.0%	15.0%
PC1	Điện	48.5	7.0%	-0.4	495	14.1	2,997	16.2	2.4	5.1%	15.9%
POW	Điện	16.1	-3.3%	0.6	1,634	11.0	768	20.9	1.3	2.0%	6.3%
NT2	Điện	22.9	-1.1%	0.6	287	0.7	1,778	12.9	1.6	13.6%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	52.5	-2.4%	1.2	1,314	16.6	1,590	33.0	2.2	18.5%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	72.5	-2%	1.0	3,263	0.4			4.8	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	144.00	3.67	0.93	3.83MLN
FPT	98.10	2.51	0.55	3.50MLN
DGC	234.90	4.40	0.43	2.17MLN
DCM	48.45	3.97	0.25	9.99MLN
VGC	60.80	3.05	0.21	1.80MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-2.38	3.98MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-1.11	3.71MLN	607060
VNM	0.00	-0.96	4.04MLN	373600
DIG	-0.01	-0.90	15.77MLN	192700
GVR	0.00	-0.87	2.27MLN	611640

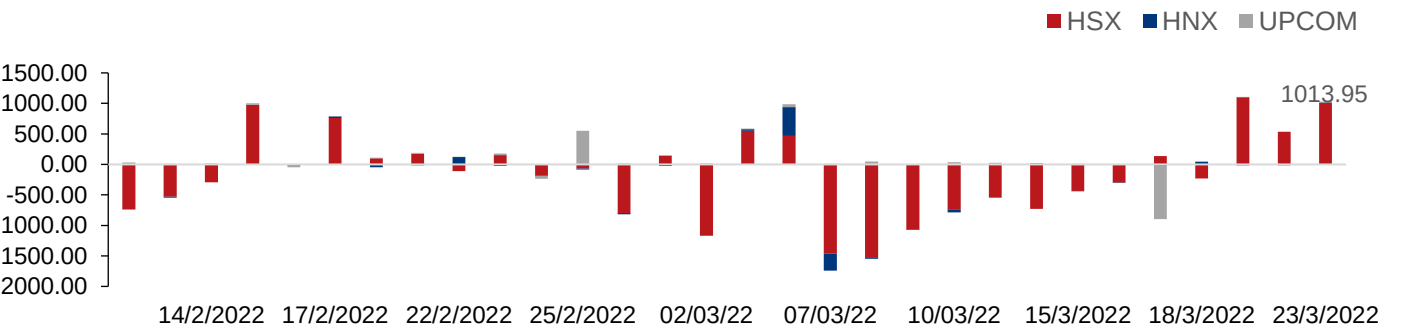
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUB	45.10	7.00	0.01	347100.00
COM	67.40	6.98	0.02	10100
NVT	28.35	6.98	0.04	347300
DTT	16.90	6.96	0.00	200
SFG	22.30	6.95	0.02	509900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	8.77	-7.00	-0.10	3.95MLN
AMD	6.65	-6.99	-0.02	2.64MLN
PGI	31.95	-6.99	-0.05	89900.00
DIG	94.90	-6.96	-0.90	15.77MLN
TGG	24.10	-6.95	-0.01	1.22MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	98.1	4,792	20.5	5.0	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	32.6	2,448	13.3	2.2	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	51.8	10,793	4.8	2.0	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	16.1	768	20.9	1.3	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	108.2	4,526	23.9	4.1	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	144.0	6,936	20.8	5.0	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	26.0	2,038	12.8	1.6	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	234.9	13,122	17.9	6.6	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	45.9	7,708	6.0	2.3	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	52.5	1,590	33.0	2.2	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	45.3	4,717	9.6	3.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	45.7	1,942	23.5	3.1	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	148.0	7,494	19.7	7.3	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	44.8	1,006	44.5	2.4	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	38.2	2,779	13.7	2.4	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	96.5	6,052	15.9	3.0	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.4	1,968	21.5	2.0	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	52.5	3,543	14.8	1.6	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	36.1	1,260	28.7	1.5	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	110.5	4,381	25.2	4.1	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	39.5	3,134	12.6	2.8	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	90.8	310	292.4	0.8	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	19.2	1,454	13.2	0.8	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.0	1,520	12.5	0.9	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.0	1,520	12.5	0.9	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.0	2,324	10.8	3.6	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.2	4,526	23.9	4.1	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.2	4,526	23.9	4.1	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	144.0	6,936	20.8	5.0	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	75.7	3,013	25.1	5.2	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	58.2	3,055	19.0	2.5	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.0	2,108	12.8	2.2	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.2	948	26.6	1.5	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	96.5	6,052	15.9	3.0	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.8	1,646	17.5	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.0	689	24.6	1.3	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	76.3	7,200	10.6	1.9	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	45.6	3499.1	13.0	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.9	1,778	12.9	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	110.5	4,381	25.2	4.1	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	51.8	10,793	4.8	2.0	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.9	1,833	28.9	3.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	73.4	4,518	16.2	4.6	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	98.1	4,792	20.5	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.0	578	55.3	2.4	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	234.9	13,122	17.9	6.6	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.5	5,924	9.0	1.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639